

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/DS-PT

Ngày : 02 - 5 - 2024

V/v Tranh chấp thừa kế,
chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Đăng
Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Phan Thanh Hòa- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế, chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2024/QĐPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1947, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: chị Phan Thị Thảo Q, địa chỉ: số B, Quốc lộ C, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2023 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Mai T là Luật sư Công ty L1 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ (có đơn xin vắng).

2. Bị đơn:

2.1. Chị Lê Thị Trường A, sinh năm: 1971, địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2.2. Anh Lâm Phú T1, sinh năm: 2001, cùng địa chỉ chị Lê Thị Trường A.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: anh Nguyễn Quyết Q1, địa chỉ: B P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021 (có mặt).

2.3. Anh Lâm Văn C, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lâm Văn B, sinh năm: 1984, địa chỉ: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin vắng).

3.2. Chị Lâm Thị N, sinh năm: 1979, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, chỗ ở hiện nay: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.3. Chị Lâm Thanh H, sinh năm: 1972, địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.4. Chị Thái Thị Kim N1, sinh năm: 1991, địa chỉ: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (không triệu tập).

3.5. Anh Lê Văn H1, sinh năm: 1971, địa chỉ: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (không triệu tập)..

3.6. Anh Trương Văn L, sinh năm: 1982, địa chỉ: ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (không triệu tập).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M, anh Lâm Văn C, anh Lâm Văn B, chị Lâm Thị N, chị Lâm Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2021 của bà Nguyễn Thị M và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hồng T2 người đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày: Bà M và ông Lâm Thái S là vợ chồng, sinh được 05 người con gồm: Lâm Thái H2, Lâm Văn C, Lâm Thanh H, Lâm Thị N và Lâm Văn B. Lâm Thái H2 chết năm 2007 có vợ tên Lê Thị Trường A và con tên Lâm Phú T1. Bà M và ông S không có riêng hay con nuôi nào khác.

Vợ chồng bà M có tài sản chung gồm: Thửa đất số 234, diện tích 3.420m², lại đất thổ vườn, trên đất gắn liền hai căn nhà cấp 4, một căn do ông S xây dựng hiện anh B đang quản lý sử dụng và một căn nhà do chị N xây dựng, chị N đang quản lý sử dụng; thửa đất số 235, diện tích 930m², loại đất nghĩa địa; thửa đất số 319 (thửa mới theo Vlap 109-2), diện tích 500m², loại đất lúa; thửa đất số 317 (thửa mới theo Vlap 161 và 138), diện tích 2.780,6 m², loại đất lúa; thửa đất số 587 (thửa mới theo Valp 109-1), diện tích 489,2m², loại đất lúa đất, tất cả các thửa đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Nguồn gốc 05 thửa đất trên do mẹ ông S tặng trước năm 1975, ông S kê khai đến năm 2000 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, ông S bị tai biến không đi lại được, do công việc làm ăn bà M và các thành viên trong gia đình thống nhất giao cho anh H2 và vợ là chị Lê Thị Trường A trực tiếp chăm sóc ông S, những người này gửi tiền về lo cho ông S. Cuối năm 2007, anh H2 bị tai nạn giao thông chết, đến năm 2010 ông S chết không để lại di chúc.

Sau khi ông S chết bà M làm thủ tục khai nhận thừa kế thì phát hiện thửa 317 (thửa mới theo Vlap 161, 138), diện tích 2.742,3m² và thửa 587 (thửa mới theo Vlap 109-1) ông S tặng cho Lâm Thái H2. Do các thửa đất trên là tài sản chung của bà và ông S, việc ông S tặng cho anh H2 bà M không biết. Bà M nhiều lần yêu cầu vợ, con anh H2 là chị A và cháu T1 trả đất nhưng họ không đồng ý. Đầu năm 2020 bà M kê khai thửa 234, do ông Lâm Thái S đứng tên nhưng con trai ruột là anh Lâm Văn C cũng không đồng ý.

Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Chia thửa đất 324, diện tích đo đạc thực tế 1.900,4m² (giảm do sạt lở sông và làm đường giao thông nông thôn) làm 2 phần, ½ diện tích thuộc quyền sử dụng của bà M, ½ diện tích còn lại là di sản của ông S thì chia thừa kế theo pháp luật cho bà M, chị H, chị N, anh B, anh C và cháu T1 mỗi người 01 kỹ phần bằng nhau, riêng cháu T1 chia bằng giá trị.

2. Vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S với anh H2 đối với thửa 587 (thửa mới theo Valp 109-1), diện tích 489,2m² và thửa 317 (thửa mới theo Vlap 161 và 138), diện tích 2.780,6 m². Chia thửa đất 317 và 587 làm 2 phần, ½ diện tích thuộc quyền sử dụng của bà M, ½ diện tích còn lại là di sản của ông S thì chia thừa kế theo pháp luật cho bà M, chị H, chị N, anh B, anh C và cháu T1 mỗi người 01 kỹ phần bằng nhau, riêng cháu T1 chia bằng giá trị. Trong trường hợp, hai thửa trên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho anh H2 đúng quy định pháp luật thì chia cho bà M hưởng 01 kỹ phần thừa kế do anh H2 chết, bà nhận bằng hiện vật.

3. Đối với thửa 235 và thửa 319 không yêu cầu Tòa án giải quyết, gia đình tự thỏa thuận phân chia.

Vào năm 2020, bà M có cho ông Lê Văn H1 thuê thửa 317 để trồng cây kiêng, cho ông Trương Văn L thuê thửa 587 trồng cây giống sầu riêng. Trường hợp đất giao cho bà thì bà tiếp tục cho thuê, nếu giao cho chị A và cháu T1 thì bà M tự thỏa thuận với ông H1 và ông L chấm dứt hợp đồng thuê, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà M thống nhất kết quả đo đạc của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, thống nhất giá đất: thửa 317 giá 118.000đ/m², thửa 587 giá 75.000đ/m², thửa 234 (đất ONT giá 230.000đ/m², đất CLN giá 138.000đ/m²), không yêu cầu định giá đối

với vật kiến trúc và cây trồng trên đất, đất giao cho ai tại vị trí có vật kiến trúc và cây trồng thì người đó được hưởng.

* Tại bản khai của chị Lê Thị Trường A, anh Lâm Phú T1 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quyết Q1 là người đại diện theo ủy quyền của chị A và anh T1 trình bày:

Trước khi anh H2 chết, chị A và anh H2 trực tiếp chăm sóc ông S, được ông S giao đất cho vợ chồng chị canh tác để có chi phí lo cuộc sống hàng ngày, việc này các thành viên trong gia đình ai cũng biết. Năm 1999, ông S đã tặng cho anh H2 thửa đất 317 và 587 nhưng đến đầu năm 2007 anh H2 mới làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, đến cuối năm 2007 anh H2 chết thời điểm này anh H2 mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2010 thì ông S chết, chị A và các thành viên trong gia đình bên chồng xảy ra mâu thuẫn đuổi chị đi, do không ở được nên chị A dắt con trai là Lâm Phú T1 về An Giang ở nhờ nhà chị ruột đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, chị A và anh T1 không đồng ý vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S với anh H2 đối với thửa 317 và 587, vì ông S cho đất anh H2 là hợp pháp cả gia đình ai cũng biết, chị A và anh T1 sẽ trả giá trị kỷ phần bà M được hưởng thừa kế theo quy định pháp luật từ anh H2 đối với thửa 317 và 587; đối với thửa đất 234 anh T1 thống nhất yêu cầu chia thừa kế của bà M, anh T1 đồng ý nhận giá trị kỷ phần được hưởng thuộc thửa 234; thửa 235 và thửa 319 (thửa mới theo Vlap 109-2) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Riêng hai thửa đất 317 và 587 do anh H2 đứng tên, bà M tự ý cho thuê chị A và T1 không hay biết, nếu Tòa án giao đất cho chị A và T1 thì yêu cầu ông H1 và ông L tự di dời cây trồng để trả đất lại cho chị A và T1.

* Tại bản khai, yêu cầu phản tố ngày 06/3/2023 và đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lâm Văn C trình bày: Về hàng thừa kế và di sản của ông S chết để lại, thống nhất như bà M trình bày. Nay anh yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định pháp luật như sau: Thửa 234 chia cho anh diện tích 237,5m², thửa 317 chia cho anh diện tích 22,525m², thửa 235 và 319 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh H trình bày:

Thống nhất lời trình bày của bà M về hàng thừa kế và di sản của ông S chết để lại. Do chị có chồng và làm ăn ở xa nên không có chăm sóc ông S, nhưng chị thường xuyên gửi tiền về cho vợ chồng anh H2, chị A thuốc than cho ông, việc anh H2 tự ý kê khai đăng ký hai thửa 317 và 587 chị không hay biết. Nay chị yêu cầu: chia cho bà M $\frac{1}{2}$ thửa đất 234, còn lại $\frac{1}{2}$ chia đều 06 kỷ phần bằng nhau cho bà M, chị H, chị N, anh C, anh B và cháu T1, chị thống nhất theo bà M giao giá trị cho cháu T1, kỷ phần của chị được nhận thống nhất theo sự chỉ ranh của bà M tại vị trí tách 136 (234-2), diện tích 616,5m², chị đồng ý hoàn giá trị diện tích chênh lệch lại cho bà M; vô

hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S và anh H2 đối với hai thửa 317 và 587, yêu cầu chia cho bà M $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 317 và 587, $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại chia đều thành 06 kỷ phần bằng nhau, chia cho chị 228,5m² thuộc thửa 317 và 40,3m² thuộc thửa 587; thửa 235 và 319 (thửa mới theo Vlap 109-2) thống nhất với bà M không yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Lâm Thị N trình bày:

Thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà M. Trước đây chị ở An Giang cùng với bà M, sau khi anh H2 mất, chị về phụ vợ anh H2 chăm sóc ông S nên chị được bà M và anh chị em trong gia cho chị cất nhà ở gần để thuận tiện cho việc tới lui chăm sóc ông S. Nay chị có yêu cầu độc lập chia thừa kế theo quy định pháp luật thừa 234, chia cho bà M $\frac{1}{2}$ diện tích, còn lại chia đều 06 kỷ phần bằng nhau cho bà M, chị H, chị N, anh C, anh B và cháu T1 chị thống nhất theo bà M giao giá trị cho cháu T1.

Chị N yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo sự chỉ ranh của bà M, thửa 234 tại vị trí gắn liền căn nhà do chị đang quản lý sử dụng, tách thửa 136 (234-1), diện tích 202,3m², nếu diện tích tăng so với kỷ phần được chia chị đồng ý hoàn trả giá trị lại cho bà M. Yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho giữa ông S và anh H2 đối với hai thửa 317 và 587, yêu cầu chia theo quy định pháp luật chia cho bà M $\frac{1}{2}$ diện tích hai thửa trên, $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại chia đều thành 06 kỷ phần bằng nhau. Chia cho chị diện tích 228,5m² thuộc thửa 317 và 40,3m² thửa 587. Vật kiến trúc và cây trồng trên đất giao cho ai vị trí nào thì người đó được hưởng. Thửa 235 và 319 thống nhất với bà M không yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Lâm Văn B trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M. Sau khi anh H2 chết thì anh có về ở cùng và chăm sóc ông S đến khi ông chết, hiện căn nhà ông S xây dựng anh đang quản lý sử dụng dùng vào việc thờ cúng. Nay anh thống nhất chia cho bà M $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 234, $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại chia đều 06 kỷ phần bằng nhau cho bà M, chị H, chị N, anh C, anh B và cháu T1. Anh đồng ý theo sự chỉ ranh của bà M giao cho anh tại vị trí tách thửa 136 (234-4), diện tích 371,3m², gắn liền căn nhà cấp 4 do ông S xây anh đồng ý hoàn giá trị chênh lệch diện tích đất cho bà M. Không yêu cầu tính công sức về việc bảo quản di sản và thờ cúng ông bà. Yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S và anh H2 đối với hai thửa 317 và 587, yêu cầu chia theo quy định pháp luật chia cho bà M $\frac{1}{2}$ diện tích hai thửa trên, $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại chia đều thành 06 kỷ phần bằng nhau. Chia cho anh 228,5m² thuộc thửa 317 và 40,3m² thửa 587. Đối với hai thửa 235 và 319 không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản ghi lời khai của người có quyền, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H1 trình bày:

Năm 2020, do thấy thửa 317 để trống không ai canh tác anh có hỏi bà M thuê thời hạn 05 năm với giá 30.000.000đ đã thanh toán xong cho bà M chỉ thỏa thuận miệng không có làm hợp đồng thuê, mục đích để trồng cây kiểng gồm các cây sau: 169 cây mai vàng, 04 cây vạn niên tùng, 02 ổi, 01 cây mận, 04 cây khế, 07 cây bông trang, 01 cây lộc vùng, 02 cây kim quýt, 02 cây nguyệt quế. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H1 không có ý kiến, trường hợp đất giao cho bà M thì anh tiếp tục sử dụng, nếu đất giao cho người khác thì anh với bà M tự thỏa thuận với nhau về chấm dứt hợp đồng thuê. Cho anh thời hạn 02 tháng từ ngày bản án có hiệu lực anh sẽ tự di dời các cây trồng ra khỏi đất tranh chấp, không yêu cầu hỗ trợ di dời.

* Tại biên bản ghi lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn L trình bày:

Năm 2020, anh có thuê thửa 587 của bà M để trồng cây giống, thời hạn thuê 02 năm rưỡi, giá thuê anh và bà M tự thỏa thuận đã thanh toán xong. Thời hạn thuê đất còn khoảng 05 tháng nữa là kết thúc hợp đồng, anh sẽ giao đất lại cho bà M. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M anh không có ý kiến. Đồng thời anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cam kết không khiếu nại quyết định của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phần tố của bị đơn Lâm Văn C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh H, Lâm Thị N và Lâm Văn B về yêu cầu chia thừa kế các thửa 234 (136), thửa 317 (138, 161) và thửa 587 (109-1).

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, yêu cầu phần tố của bị đơn Lâm Văn C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N, anh Lâm Văn B đối với thửa 234 (136), diện tích 1.900,4m², loại đất ONT và CLN, tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do ông Lâm Thái S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý, sử dụng phần đất tách thửa 136 (234-5), diện tích 559,1m² (trong đó 60 m² đất ONT, 499,1m² đất CLN) gồm các mốc: 4,5,6,7,8,4. Đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Lâm Thị N được quyền quản lý, sử dụng phần đất tách thửa 136 (234-1), diện tích 202,3m² (trong đó 60m² đất ONT và 142,3m² đất CLN) gồm các mốc: 10,11,12,13,14,10, gắn liền căn nhà cấp 4 do chị N đang quản lý sử dụng, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Lâm Thanh H được quyền quản lý, sử dụng phần đất tách thửa 136 (234-2), diện tích 616,5 m² (trong đó 60m² đất ONT, 556,5m² đất CLN) gồm các mốc: 1,2,11,12,13,15,1, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Lâm Văn C được quyền quản lý, sử dụng phần đất tách thửa 136 (234-3), diện tích 151,2m² (trong đó có 60m² đất ONT và 91,2m² đất CLN) gồm các mốc: 2,3,9,10,11,2, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Lâm Văn B được quyền quản lý, sử dụng phần đất tách thửa 136 (234-4), diện tích 371,3 m² (trong đó 60 m² đất ONT, 311,3m² đất CLN) gồm các mốc: 3,4,8,9,3 gắn liền căn nhà cấp 4 do ông S xây dựng, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Đối với thửa 235, diện tích 930m², loại đất nghĩa địa và thửa 319 (thửa mới theo Vlap 109-2), diện tích 500m², loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do ông Lâm Thái S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không yêu cầu nên không xem xét.

Bị đơn Lê Thị Trường A và Lâm Phú T1 có nghĩa vụ giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 234, thửa 319 do ông Lâm Thái S đứng tên sổ vào sổ 32093, do Chủ tịch UBND huyện M cấp vào ngày 07/7/2000 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 235 do ông Lâm Thái S đứng tên sổ vào sổ 32096 do Chủ tịch UBND cấp vào ngày 07/7/2000, cho bà Nguyễn Thị M làm thủ tục kê khai cấp giấy theo quy định. (Do chị A và Phú T1 đang quản lý các giấy chứng nhận bản gốc)

2. Không chấp nhận yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho thửa 317 (138+161) và thửa 587 (109-1), giữa ông Lâm Thái S (chết) và anh Lâm Thái H2 (chết) của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, yêu cầu phản tố của bị đơn Lâm Văn C và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N, anh Lâm Văn B.

Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đối với di sản của anh Lâm Thái H2 (chết) theo quy định pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bị đơn Lâm Văn C và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N và anh Lâm Văn B.

Giao cho bị đơn Lê Thị Trường A và anh Lâm Phú T1 được quản lý, sử dụng thửa 317 (138 +161), tờ bản đồ số 27, diện tích 2.780,6m², loại đất lúa (gồm các mốc: 1,2,3,4,5,6,7,8,1), đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do Lâm Thái H2 (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Lê Văn H1 có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng trên thửa 317 (138 + 161), cụ thể: 169 cây mai vàng, 04 cây vụn niên tùng, 02 cây ổi, 01 cây mận, 04 cây khế, 07 cây bông trang, 01 cây lộc vừng, 02 cây kim quýt, 02 cây nguyệt quế.

Giao cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được quyền quản lý, sử dụng thửa 587 (thửa mới theo Vlap 109), tờ bản đồ số 27, diện tích 489,2m², loại đất lúa (gồm các

mốc: 1,2,3,4,5,1), đất tọa lạc tại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, do Lâm Thái H2 (chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường ngày 06/9/2022 kèm theo)

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về trách nhiệm thanh toán: Các đương sự có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch được hưởng cho bà Nguyễn Thị M cụ thể sau: Chị Lâm Thanh H, thanh toán số tiền 66.442.400đ (Sáu mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng), chị Lâm Thị N, thanh toán số tiền 9.282.800đ (chín triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm đồng), anh Lâm Văn C, thanh toán số tiền 2.231.000đ (Hai triệu hai trăm ba mươi một ngàn đồng), anh Lâm Văn B, thanh toán số tiền 32.604.800đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn tám trăm đồng). Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho Lâm Phú T1 giá trị chênh lệch được hưởng 71.500đ (Bảy mươi một ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2023 bà Nguyễn Thị M, chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N, anh Lâm Văn C, anh Lâm Văn B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. T vô hiệu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Lâm Thái H2 đối với thửa đất số 317, diện tích 2.780,6m², mục đích sử dụng LUC và thửa đất số 587, diện tích 489,2m², mục đích sử dụng LUC cùng tờ bản đồ số 27, tọa lạc lại ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Xác định thửa đất số 317 và 587 là tài sản chung của bà M và ông S.

3. Công nhận cho bà M quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản chung, diện tích cụ thể: thửa 317 bằng 1.390,3m² và thửa 587 bằng 489,2m².

4. $\frac{1}{2}$ khối tài sản chung gồm thửa 317 bằng 1.390,3m² và thửa 587 bằng 489,2m² là di sản của ông S thì chia theo quy định pháp luật thành 6 kỷ phần cho 06 đồng thừa kế, cụ thể mỗi người được hưởng 1 kỷ phần gồm: 231,7 m² thửa 317 và 40,76 m² thửa 587.

5. Xem xét lại chi phí tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người kháng cáo gồm: bà M, chị H, chị N, anh C và anh B thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng: chia quyền sử dụng đất thửa 317 và thửa 587 như sau:

- Thửa 371 chia làm 2 phần: một phần có diện tích ngang trước 15m, ngang sau 15m nhân với chiều của dài thửa đất (bên phía giáp thửa 139, 314) thì chia cho anh T1 được quyền sử dụng; phần diện tích còn lại của thửa 317 (bên giáp thửa 428, 137) thì chia cho bà M được quyền sử dụng; bà M và anh T1 không phải hoàn tiền giá trị đất cho các đồng thửa kế khác.

- Thửa 587 chia cho bà M trọn quyền sử dụng, bà M không phải hoàn tiền giá trị đất cho các đồng thửa kế khác.

- Các phần khác, các thửa đất khác của Bản án sơ thẩm đã tuyên thì không có kháng cáo, thống nhất theo án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo và người đại diện hợp pháp của bị đơn (chị A và anh T1) đã thỏa thuận thống nhất với nhau về việc giải quyết nội dung kháng cáo như trên, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng, công nhận sự thỏa thuận phân chia thửa đất 317 và 587 của các đương sự tại phiên tòa; sửa lại án phí sơ thẩm; các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 03 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân huyện Mang Thít tuyên án sơ thẩm đến ngày 15 tháng 8 năm 2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N, anh Lâm Văn C, anh Lâm Văn B nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, anh Lâm Văn B và anh Lâm Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau việc giải quyết nội dung kháng cáo, cụ thể phân chia quyền sử dụng đất thửa 317 và

thửa 587 như sau: thửa 371 chia làm 2 phần: một phần có diện tích ngang trước 15m, ngang sau 15m nhân với chiều dài của thửa đất tính ra bằng 1.212,8m² (bên phía giáp thửa 139, 314) thì chia cho anh T1 được quyền sử dụng; phần diện tích còn lại của thửa 317 là 1.567,8m² (bên giáp thửa 428, 137) và trọn thửa 587 thì chia cho bà M được quyền sử dụng; bà M và anh T1 không phải hoàn tiền giá trị đất cho các đồng thừa kế khác.

Xét, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận

[3] Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên sửa lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Bà M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm; anh Lâm Phú T1 chịu tiền án phí tương ứng trên giá trị tài sản được chia gồm: 1.212,8m² đất lúa thuộc thửa 138 + 161 và 71.500 đồng bà M hoàn giá trị chênh lệch, tính ra tiền án phí sơ thẩm anh T1 phải chịu là 7.159.095 đồng (làm tròn 7.159.000 đồng); chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N, anh Lâm Văn C, anh Lâm Văn B phải chịu tiền án phí tương ứng trên giá trị tài sản được chia là 158,366m² đất thuộc thửa 136 (234), tính ra tiền án phí sơ thẩm mỗi người phải chịu là 1.207.700 đồng.

[4] Án phí phúc thẩm: do chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, chị Lâm Thanh H, chị Lâm Thị N, anh Lâm Văn C và anh Lâm Văn B.

Sửa bản án sơ thẩm số: 40/2023/DS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít theo hướng công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Áp dụng: các Điều 357, 468, 649, 651, 651, 652, 660, 661, 662 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chia cho anh Lâm Phú T1 được quyền sử dụng 1.212,8m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 138 và thửa 161, cùng tờ bản đồ số 27 (thửa cũ 317, tờ bản đồ số 9), ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sơ đồ, vị trí khu đất căn cứ theo Trích

đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, gồm 4 thửa: thửa 161-3 [(tách 371-2)-3] diện tích 425,5m² gồm các mốc: 5, D, C, 4, 5, thửa 161- 2 [(tách 371-2)-2] diện tích 66,2m² gồm các mốc: F, C, D, E, F, thửa 138-3 [(tách 371-1)-3] diện tích 625,9m² gồm các mốc: 2, 3, 4, C, B, 2 và thửa 138-2 [(tách 371-1)-2] diện tích 95,2m² gồm các mốc: A, B, C, F, A.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng 1.567,8m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 138 và thửa 161, cùng tờ bản đồ số 27 (thửa cũ 317, tờ bản đồ số 9), ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sơ đồ, vị trí thửa đất căn cứ theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, gồm 2 thửa: thửa 161-1 [(tách 371-2)-1] diện tích 667,7m² gồm các mốc: 7, F, E, 6, 7 và thửa 138-1 [(tách 371-1)-1] diện tích 900,1m² gồm các mốc: 1, A, F, 7, 8, 1 và được quyền sử dụng 489,2m² đất chuyên trồng lúa nước thuộc thửa 109-1, tờ bản đồ số 27 (thửa cũ 587 tờ bản đồ số 9), ấp H, xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, sơ đồ, vị trí thửa đất căn cứ theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 19/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M gồm các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 1.

3. Các đương sự được chia quyền sử dụng đất có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai theo quy định pháp luật.

4. Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Buộc anh Lâm Phú T1 chịu 7.159.000 đồng (Bảy triệu một trăm năm mươi chín ngàn đồng).

Buộc chị Lâm Thanh H chịu 1.207.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.819.000 đồng theo biên lai thu số 0006896 ngày 17/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Chị H được hoàn lại 611.300 đồng (sáu trăm mười một ngàn ba trăm đồng).

Buộc chị Lâm Thị N chịu 1.207.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.992.000 đồng theo biên lai thu số 0006894 ngày 27/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Chị N được hoàn lại 784.300 đồng (bảy trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm đồng).

Buộc anh Lâm Văn C chịu 1.207.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 958.000 đồng theo biên lai thu số 0007633 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Anh C còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Buộc anh Lâm Văn B chịu 1.207.700 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.992.000 đồng theo biên lai thu số 0006893 ngày 25/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít. Anh B được hoàn lại 784.300 đồng (bảy trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả chị Lâm Thanh H tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001144 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít

Hoàn trả chị Lâm Thị N tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001146 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Hoàn trả anh Lâm Văn C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001145 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Hoàn trả anh Lâm Văn B tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001143 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

6. Những phần khác của bản án sơ thẩm, các mục số 1, mục số 3 và mục số 4 phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VP TAND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đường sự: Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Chi